

Số: 30/2026/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 304/TTr-STC ngày 04 tháng 6 năm 2026 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 330/BC-STP ngày 11 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau
- Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính
- Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và việc rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã.
- Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã.
- Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước.

6. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp cho cơ quan tài chính.

7. Chế độ báo cáo công khai ngân sách.

Ngoài quy định trên, việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ), Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính) và các văn bản quy định của nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách, các chủ đầu tư, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các cơ quan tổng hợp, các cơ quan thu ngân sách, Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan trong việc quản lý và sử dụng ngân sách.

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau

1. Đối với cấp xã

a) Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I; các tổ chức được ngân sách hỗ trợ; các cơ quan được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cấp xã trước ngày 07 tháng 6 hằng năm.

b) Cơ quan tài chính cấp xã chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

c) Cơ quan tài chính cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính dự toán ngân sách cấp mình đã được Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét; đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 20 tháng 6 hằng năm.

d) Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ thu, chi của cấp trên, cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán ngân sách năm sau trước ngày 15 tháng 12; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán ngân sách trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

đ) Trường hợp dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cấp xã vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định nhưng phải bảo đảm hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

e) Các đơn vị dự toán cấp I phân bổ, giao dự toán cho đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đối với cấp tỉnh

a) Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I; các tổ chức được ngân sách hỗ trợ; các cơ quan được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính; đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 20 tháng 6 hằng năm.

b) Cơ quan Thuế, Hải quan tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan cấp trên, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

c) Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia gửi Sở Tài chính báo cáo tổng hợp, đề xuất tổng mức kinh phí theo lĩnh vực phụ trách, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổng hợp, lập dự toán ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến trước ngày 05 tháng 7 hằng năm.

đ) Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, cơ quan quản lý lĩnh vực cấp trên dự toán đã được Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét trước ngày 10 tháng 7 hằng năm.

e) Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ thu, chi của cấp trên, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách năm sau trước ngày 05 tháng 12 hằng năm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán ngân sách trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

g) Các đơn vị dự toán cấp I phân bổ, giao dự toán cho đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 4. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính

Đơn vị dự toán cấp I giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, gửi Kho bạc Nhà nước khu vực quản lý địa bàn cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện. Đồng thời gửi cơ quan tài chính các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán ngân sách để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán như sau:

1. Đối với kinh phí tự chủ của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức xã hội thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật và kinh phí thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp (phân bổ theo định mức):

a) Bảng tính toán số liệu phân bổ dự toán.

b) Các văn bản phát sinh mới (so với tài liệu đã gửi cơ quan tài chính tại thời điểm lập dự toán) liên quan đến quyết định giao biên chế, tiền lương.

2. Đối với kinh phí không tự chủ của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức xã hội thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật và kinh phí không thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp (kinh phí giao theo các nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt):

a) Các văn bản phát sinh mới (so với tài liệu đã gửi cơ quan tài chính tại thời điểm lập dự toán).

b) Biểu dự toán chi tiết có thuyết minh cơ sở lập dự toán: cơ sở pháp lý, số đối tượng, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác.

c) Các tài liệu làm cơ sở xác định số kinh phí được phân bổ: Giấy báo giá, hợp đồng, quyết định phê duyệt dự toán, quyết định phê duyệt quyết toán, quyết định phê duyệt đối tượng, mức chi theo quy định của tỉnh, của các ngành cấp trên quản lý và các văn bản khác có liên quan.

Điều 5. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng và việc rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã

1. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng: Để đảm bảo nhu cầu chi theo dự toán và khả năng cân đối theo tiến độ thu ngân sách, việc rút dự toán chi bổ sung cân đối hằng tháng tối đa không vượt quá 1/12 tổng mức bổ

sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, thông báo bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp xã và Kho bạc nhà nước thực hiện.

2. Việc rút dự toán của ngân sách cấp xã đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh: Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng không sử dụng hết hoặc sử dụng không đúng mục tiêu, thì phải hoàn trả ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 6. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã

Trước ngày 05 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước theo mẫu biểu số 01 kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 02 kèm theo Quyết định này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hằng quý báo cáo Sở Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 03 đến số 05.1, 05.2 kèm theo Quyết định này. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hằng tháng báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 06, 07 kèm theo Quyết định này. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là ngày 18 hằng tháng.

4. Cơ quan tài chính cấp xã và các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh báo cáo Sở Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo mẫu biểu số 08 kèm theo Quyết định này. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

Điều 8. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp cho cơ quan tài chính

Thời gian các đơn vị dự toán cấp I gửi báo cáo quyết toán năm cho cơ quan tài chính cùng cấp (có xác nhận của Kho bạc nhà nước).

1. Đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh (đơn vị không có đơn vị dự toán trực thuộc): trước ngày 25/3 năm sau.

2. Đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh (đơn vị có đơn vị dự toán trực thuộc): trước ngày 05/4 năm sau.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã: trước ngày 15/2 năm sau.

4. Quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp II, cấp III do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải đảm bảo thời gian để đơn vị dự toán cấp I xét duyệt, tổng hợp, lập gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 9. Chế độ báo cáo công khai ngân sách

1. Đơn vị dự toán ngân sách các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đúng quy định;

2. Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, các đơn vị sử dụng ngân sách, các chủ đầu tư, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các cơ quan tổng hợp, các cơ quan thu ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan trong việc quản lý và sử dụng ngân sách có trách nhiệm thực hiện việc lập, chấp hành dự toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật. Trong quá

trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cảnh Toàn

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN,
DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh
Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	$I=2+3$	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			

ĐƠN VỊ

Mẫu biểu số 02

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ... NĂM...

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước... Quý so dự toán (%)
			Quý...	Lũy kế ...	
A	B	1	2	3	4=3/1
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
I	THU PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Tổng thu				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
2	Thu phí được để lại đơn vị				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
II	DỰ TOÁN CHI NSNN				
A	Chi thường xuyên				
1	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao tự chủ				
	Quỹ lương				
	Chi thường xuyên theo định mức				
	Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
	<i>(chi tiết theo các khoản chi)</i>				
	...				
b	Kinh phí không giao tự chủ				
	<i>Chi tiết theo các khoản chi</i>				
2	Chi quốc phòng				
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
7	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin				

8	<i>Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>				
9	<i>Chỉ sự nghiệp thể dục, thể thao</i>				
10	<i>Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>				
11	<i>Chỉ các hoạt động kinh tế</i>				
12	<i>Chỉ bảo đảm xã hội</i>				
13	<i>Chỉ thường xuyên khác...</i>				
					
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN				
1	<i>Chỉ các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</i>				
2	<i>Chỉ quốc phòng</i>				
3	<i>Chỉ an ninh và trật tự, an toàn xã hội</i>				
4	<i>Chỉ giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>				
5	<i>Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>				
6	<i>Chỉ y tế, dân số và gia đình</i>				
7	<i>Chỉ văn hóa thông tin</i>				
8	<i>Chỉ phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>				
9	<i>Chỉ thể dục, thể thao</i>				
10	<i>Chỉ bảo vệ môi trường</i>				
11	<i>Chỉ các hoạt động kinh tế</i>				
12	<i>Chỉ bảo đảm xã hội</i>				
13	<i>Chỉ đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật</i>				
C	CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG, TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ				
D	CHI CTMTQG				
1	Chương trình MTQG				
a	CTMTQG giảm nghèo bền vững				
	Dự án.....				
b	CTMTQG phát triển nông thôn mới				
	Nội dung....				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia				
					

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ ...NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị:
Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp					
1	Các khoản thu NSX hưởng 100%					
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng trong tổng NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSX theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi viện trợ					
4	Dự phòng NSNN					

5	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM...

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý ...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	Trở: Lệ phí trước bạ					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
-	Thu tiền sử dụng đất					
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					

-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
12	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
13	Thu khác ngân sách					
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NST và NSX					
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng trong tổng NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSX hưởng 100%					

THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM...

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
-	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi thường xuyên					
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
III	Chi viện trợ					
IV	Dự phòng ngân sách nhà nước					
V	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
VI	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NST CHO NSX					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NST bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số						
1	Chi đầu tư phát triển						
2	Chi thường xuyên						

ƯỚC THU NSNN THÁNG N NĂM

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN N THÁNG NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN N-1 THÁNG	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
					THÁNG N	LŨY KẾ N THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3	4	5	6=5/1	7=5/2
A	THU NSNN TRÊN ĐB (I+II+III)							
I	Thu nội địa	-	-	-	-	-	-	-
	Thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất							
	Thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết							
	Thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, phí cửa khẩu							
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tài nguyên							
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương							

	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tài nguyên							
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
	- Thuế tài nguyên							
5	Lệ phí trước bạ							
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp							
8	Thuế thu nhập cá nhân							
9	Thuế bảo vệ môi trường							
10	Phí và lệ phí							
	- Lệ phí trung ương							
	- Lệ phí tỉnh, huyện							

	<i>Trong đó: Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu</i>							
	<i>Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>							
	<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</i>							
11	Thu tiền sử dụng đất							
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
13	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước							
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
15	Thu khác ngân sách							
	<i>Trong đó xử phạt vi phạm an toàn giao thông</i>							
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế							
17	Thu xổ số kiến thiết							
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu							
1	Thuế xuất khẩu							
2	Thuế nhập khẩu							
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
4	Thuế bảo vệ môi trường							

5	Thuế giá trị gia tăng							
6	Thu khác							
III	Các khoản huy động, đóng góp							
B	Ghi thu - ghi chi tiền bồi thường, GPMB đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước được đối trừ thuê đất							
C	Ghi thu - ghi chi nguồn vốn viện trợ							

Ghi chú: Tháng (N) là tháng báo cáo; (N-1) là tháng trước tháng báo cáo.

ƯỚC CHI NSNN THÁNG (N) NĂM

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN N THÁNG NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN N-1 THÁNG	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
					THÁNG N	LŨY KẾ N THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=5/1	7=5/2
	TỔNG CHI NSDP (I+II)		-	-				
I	Tổng chi cân đối NSDP							
1	Chi đầu tư phát triển							
1.1	Chi đầu tư XD CB từ nguồn vốn trong nước							
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
1.3	Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất							
1.4	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu, bội chi cấp tỉnh							
2	Chi thường xuyên							
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							
2.2	Chi SN Giáo dục, đào tạo và dạy nghề							
2.3	Chi sự nghiệp y tế							
2.4	Chi SN khoa học và công nghệ							
2.5	Chi SN văn hóa thông tin							

2.6	Chi SN phát thanh - truyền hình							
2.7	Chi SN thể dục thể thao							
2.8	Chi đảm bảo xã hội							
2.9	Chi quản lý hành chính							
2.10	Chi an ninh - quốc phòng							
2.11	Chi SN môi trường							
2.12	Chi thường xuyên khác và chi khác ngân sách							
3	Chi dự phòng ngân sách							
4	Chi quỹ dự trữ tài chính							
5	Chi trả lãi vay							
6	Chi từ nguồn tăng thu							
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác							
1	Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước							
3	Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác từ nguồn vốn trong nước							

4	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách theo chế độ quy định và một số chương trình mục tiêu							
---	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Tháng (N) là tháng báo cáo; (N-1) là tháng trước tháng báo cáo.

TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu biểu số 08

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUÝ N NĂM

(Kèm theo Quyết định số: 30/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

	- Ngân sách trung ương												
	+ Nguồn trong nước												
	+ Nguồn ngoài nước (vốn vay và viện trợ)												
	- Ngân sách tỉnh												
	- Nguồn huy động hợp pháp khác												
2	CTMT, nhiệm vụ, chế độ, chính sách												
	...												

Ghi chú: Tháng (N) là tháng báo cáo

..., ngày ... tháng
... năm
THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng
dấu)